

## SÂN KHẤU DÙ KÊ – GÓC NHÌN TỪ VĂN HÓA DÂN GIAN

Thạch Chane Vitu<sup>1</sup>

### Tóm tắt

Trong bài viết này, vấn đề thứ nhất xin gợi ý tìm hiểu thêm về xuất xứ nguồn gốc của loại hình này thông qua việc khảo sát một số nghệ nhân, bậc thầy qua từng thời kỳ một cách kỹ lưỡng, và cũng để làm rõ về sự giao thoa thể loại bài hát, dàn nhạc và múa trong loại hình sân khấu Hí kịch, sân khấu Cải lương, sự tiếp nhận về loại hình sân khấu Dù kê và loại hình sân khấu “La khôn Khôl” (sân khấu đeo mặt nạ) ở vương quốc Campuchia; vấn đề thứ hai, từ góc nhìn văn hóa dân gian các dân tộc, cố gắng làm rõ Dù kê là loại hình sân khấu đặc biệt đã chuyển tải những nội dung, giá trị văn hóa dân gian rất đậm nét (thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, truyện cười, tục ngữ) và nghệ thuật dân gian (nghệ thuật tạo hình dân gian: kiến trúc dân gian, hội họa dân gian, trang trí dân gian; nghệ thuật biểu diễn dân gian: âm nhạc dân gian, múa dân gian, sân khấu dân gian, trò diễn), đáp ứng trong sinh hoạt văn hóa và đời sống lao động của mọi tầng lớp người Khmer.

Từ khóa: Sân khấu Dù kê, góc nhìn văn hóa dân gian.

### Abstract

The origin of formation of Du ke Southern Khmer Theatre is not assessed clearly, but only based on some unscientific surveys. Thus, this paper is to find out its origin through artists, teachers of each period, and to demonstrate the cultural interference of songs, orchestra and dance in Hi Kich theatre, Cai luong (folk songs), Di Ke and La Khon Khol (mask theatre) in Cambodia; this paper also focuses on the contents and cultural value (mythology, fairy tale, legend, humorous story, proverb) and folk arts (image-buidling art: architecture, painting, decoration; performing arts:folk music, dance, theatre) of Du ke, meeting cultural activities and labour life of Khmer people.

Keyword: Du ke theatre, folklore perspectives

### Đặt vấn đề

Trước thực tiễn xã hội hội nhập, phát triển, nghệ thuật sân khấu ở nước ta nói chung và sân khấu Dù kê của một số đoàn nghệ thuật như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu,... đang đứng trước thử thách yêu cầu mới, nhiệm vụ mới. Việc giảm sút sự năng động và phát triển không đều của các đoàn, thiếu đội ngũ cán bộ, văn nghệ sĩ, đạo diễn tài năng, chất lượng nghệ thuật không hiệu quả đã dẫn đến việc chuyển tải nội dung vở diễn, tuồng tích, các giá trị văn hóa dân gian không đáp ứng được nhu cầu thị hiếu công chúng. Sự thành công của một loại hình nghệ thuật sân khấu phải bao gồm đầy đủ các giá trị lịch sử, hiện thực, nhân đạo, thẩm mỹ thông qua đỉnh cao hình tượng nghệ thuật để từng bước các thế hệ sau tiếp nhận và có những giải pháp khả thi để bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật này.

<sup>1</sup> Trường Phòng Hành chính, Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh

### 1. Sự hình thành loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê

#### 1.1. Khái quát sự hình thành loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê

Khoảng hơn một thế kỷ đã qua, loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê không bị mai một và được nhân dân, các chùa Phật giáo Nam tông Khmer nuôi dưỡng và phát triển, đã tạo nên văn hóa nghệ thuật tiêu biểu cho dân tộc, cùng ra sức phục vụ và chuyển biến rõ rệt trong đời sống nhân dân Khmer. Từ thập niên 60 cho đến nay, một số tác giả, nghệ nhân, văn nghệ sĩ, nhà quản lý nghệ thuật đã nghiên cứu, sưu tầm và nhận định rằng: sân khấu Dù kê là sản phẩm của nông dân, tầng lớp trí thức Khmer sáng tạo ra tại vùng đất Tây Nam Bộ trong sự giao lưu sân khấu Hí kịch của người Hoa và Cải lương của người Kinh. Tỉnh Trà Vinh và tỉnh Sóc Trăng là nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống và phong trào văn hóa văn nghệ dân gian có xu hướng

phát triển rộng khắp phum sóc. Hai tỉnh này đã có công lao rất lớn trong quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Dù kê, điển hình qua một số nghệ nhân tiêu biểu ở tỉnh Trà Vinh là Thạch Sua ở Phum Chéché (nay thuộc Khóm 1, Phường 7, Tp. Trà Vinh), Tà Tia, Kru Cừu (Thầy Cừu), Kim Thị Suông - vừa là những nghệ nhân, bậc thầy, dẫn tuồng (đạo diễn), biên đạo, nghệ sĩ; vừa là ông bầu gánh trong giai đoạn đầu thế kỷ 19. Do phong trào văn hóa văn nghệ từ sân khấu Dù kê, sân khấu Rô băm (múa Chấn) đã sinh ra một loại hình nghệ thuật sân khấu mới, đó là sân khấu Dù kê lan tỏa qua các vùng miền được nhân dân đón nhận và say mê. Đối với tỉnh Sóc Trăng, mặc dù chưa được nghiên cứu, sưu tầm trong giai đoạn hình thành sơ khai, nhưng đoàn Dù kê được hình thành với quy mô lớn vào năm 1921 do ông Lý Kọn (Xã Kọn) ở xã An Ninh, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng làm bầu gánh<sup>2</sup>. Ông này có lòng say mê nghệ thuật, mỗi khi nhớ đến quê hương là nhớ đến thời thơ ấu mà mình đã từng đi xem hát Dù kê phum sóc. Chính vì điều này đã khiến ông từ Pháp trở về quê hương mình thành lập một gánh hát lấy tên “À Pê Đờm Phò” (Đờm Phò là cây Bồ đề). Lý Kọn là người Khmer gốc Hoa, ông vừa giàu có, đảm bảo được cơ sở vật chất, vừa có khả năng quản lý nên tập hợp được các nghệ nhân nổi tiếng như Thạch Sua, Kru Cừu. Đoàn Dù kê của ông đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của nhân dân rộng khắp vùng đồng bằng sông nước, trong lối diễn xuất có lồng tiếng Hoa, tiếng Việt và tiếng Pháp thông qua người dẫn tuồng hoặc vai hề. Năm 1930, sang vương quốc Campuchia lần thứ hai biểu diễn trên thuyền dọc theo hạ lưu sông Mê Kông và biểu diễn tại thủ đô Phnom Pênh, đoàn của ông đã được nhân dân Campuchia tiếp nhận và đặt tên Lakhôn Basác, tức là sân khấu của con người ở sông Ba Thắc (Ba sắc): “*Tên gọi Du kê là của người Khmer ở phía Đông thuộc nước Việt Nam (tức là Phía Tây Nam - Việt Nam) người ta sử dụng tên gọi để đánh dấu một loại hình sân khấu của họ cũng như ở Campuchia sử dụng tên gọi sân khấu Ba sắc (La-khôn Basác) để đánh dấu cách*

*gọi loại hình sân khấu này cho đến nay*”. Như vậy, chúng ta xác định được từ năm 1930 ở Campuchia người ta tự đặt tên La-khôn Basác để chỉ loại hình sân khấu con người sống theo dọc sông Basác thuộc một nhánh sông Mê Kông, của con người ở tiểu vùng Tây Nam Bộ nói chung, chứ không phải Lakhôn Basác của con người ở Sóc Trăng sáng lập hay Lakhôn Tron Kh’lốt là của con người Trà Vinh sáng lập, sự phân chia ranh giới loại hình nghệ thuật hay tên gọi này sẽ dẫn đến khó có thể nhận định về tính giao thoa, tiếp biến văn hóa vùng, mặc dù cùng có một nền văn hóa: tín ngưỡng tôn giáo, văn học, các loại hình nghệ thuật sân khấu,...

Sân khấu Dù kê phát âm từ sân khấu Dù kê khi sân khấu Dù kê mới hình thành sơ khai. Còn có tên gọi: La-khôn Tron Kh’lốt tức là sân khấu giàn bầu do ông Thạch Sua làm bầu gánh. Tuy nhiên, vẫn còn có tên gọi thiếu tính khoa học như Vũ kê, À kê, À pê. Bởi vì nếu tên gọi “Vũ Kê” thì từ “vũ” chưa trở thành phổ biến trong cộng đồng phum sóc Khmer do người Khmer ít biết nói ngôn ngữ Việt trong những thập niên trước đây; còn tên gọi “À Kê” không biết xuất xứ ở đâu? Rất khó có thể khẳng định được cậu bé tên “Kê” này ở vùng đất Trà Vinh lại có sự trùng hợp chẳng với từ “Kê” ở Campuchia gọi là Dù kê hay ở Thái Lan gọi là Li kê, nhưng đây cũng là một luận điểm để tiếp tục lý giải. Như vậy, các tên gọi này xuất phát từ tên gọi trong dân gian do có sự phát âm không chuẩn xác hay sự biến âm dần từ Dù kê sang Vũ kê, À kê, À pê được lưu truyền phổ biến từ các vùng, các nơi khác nhau. Ngoài ra, còn có tên gọi miệt thị đối với người không thích loại hình nghệ thuật này như tên gọi “À Pê À Pôn” (tức là vừa biểu diễn Dù kê vừa kéo theo trò chơi cờ bạc).

Sau giai đoạn chiến tranh thế giới lần thứ hai, tình hình chính trị thế giới phức tạp, bối cảnh trong nước rất khó khăn, vừa chống phát xít Nhật vừa chống Pháp, các phong trào văn hóa văn nghệ, kể cả loại hình sân khấu Dù kê phát triển chậm. Đến năm 1960, phong trào văn nghệ các địa phương tiếp tục khơi dậy rầm rộ, theo chủ trương của Tỉnh ủy Trà Vinh, đồng chí Thạch Voi đã thành lập Đoàn Văn công Khmer của tỉnh và hoạt động chính thức

<sup>2</sup> Trích từ tác giả: Sơn Lương trong cuốn sách “Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, xuất bản năm 2012, trang 57

<sup>3</sup> Trích theo tác giả: Pich Tum Kravel trong cuốn sách “Dù kê và sân khấu Basác”, xuất bản 1997 (trang 1)

ngày 14/4/1963 tại xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, là tiền thân của Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh hoạt động đến ngày nay. Năm 1985 tại Hội diễn Sân khấu Chuyên nghiệp toàn quốc tại thành phố Quy Nhơn, sân khấu Dù kê được chính thức công nhận<sup>4</sup>.

Nghệ sĩ Kim Thị Suông cho biết<sup>5</sup>: gánh hát “Nhật Nguyệt Quang” hoạt động một thời gian, đến năm 1952 đổi tên thành “Nguyệt Quang” và vợ chồng tôi được mời tham gia cho đến năm 1975,... Sau ngày giải phóng Miền Nam, Đoàn Nghệ thuật Khmer từ trong kháng chiến được bổ sung thêm lực lượng mới, gia đình Kim Thị Suông và một số anh chị em diễn viên khác là những người đầu tiên được tuyển dụng. Đoàn chính thức thành lập ngày 5/5/1975, là tiền thân của Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh Sóc Trăng ngày nay.

Quá trình hình thành sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ, tuy rằng chưa được tìm hiểu một cách kỹ lưỡng nhưng cũng tạo được cơ sở cho việc suy nghĩ, tìm tòi ở những nhà nghiên cứu, những văn nghệ sĩ, những người ưa thích văn học, thơ ca, nghệ thuật biểu diễn, để từ đó trở thành vốn văn hóa cần được tiếp tục sưu tầm lưu giữ bằng những giá trị hiện thực, các tác phẩm sân khấu, những phong cách cho từng nhân vật, phục trang, trang trí sân khấu, đạo cụ, những yếu tố giao lưu sân khấu các dân tộc anh em và Đông Nam Á, ... cho loại hình sân khấu Dù kê.

Thiết nghĩ, khó có thể khẳng định rằng Trà Vinh là điểm xuất phát hình thành, sáng tạo ra loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê, hay thủy tổ đầu tiên là ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh? Hay ở Sóc Trăng? Điều này đòi hỏi cần phải tiếp tục khảo sát điều tra trên địa bàn hình thành nghệ thuật Dù kê sơ khai và qua những tư liệu trên cơ sở so sánh, phân tích, lý giải và minh chứng khoa học; thông qua các nghệ nhân, nghệ sĩ qua từng giai đoạn lịch sử, họ xuất thân từ nơi nào cũng như nguyên nhân tiềm ẩn mà họ tham gia sáng tạo hoạt động này, và những quy luật xã hội phát triển tất yếu từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Nhưng đến giai

đoạn hiện nay nghệ thuật sân khấu Dù kê vẫn được xem là thành tựu có tính chất tổng hợp kết quả của sự giao lưu văn hóa giữa người Khmer, người Kinh, người Hoa cùng cộng cư chan hòa tại vùng đất Nam Bộ. Chúng ta cần sưu tầm, nghiên cứu một cách có khoa học để tiếp tục phát huy các đặc điểm, các thể loại liên quan đến sân khấu Dù kê mang những yếu tố giao thoa tiếp biến của ba dân tộc đã thực sự đi vào đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng hiện nay.

## 1.2. Một số yếu tố cơ bản tạo nên sân khấu Dù kê

### 1.2.1. Bài hát Dù kê (Basắc) góp phần gây cảm xúc ấn tượng trên sân khấu

Sân khấu của Dù kê là sân khấu có âm nhạc, nên ngôn ngữ chính của nó phải là ca hát, ca hát để lột tả sự vật hiện tượng thông qua thơ ca, nghệ thuật ngôn từ đối thoại trên nền âm nhạc. Chúng ta khẳng định những giá trị biểu hiện cao của âm nhạc truyền thống Khmer không thể tìm thấy nền âm nhạc nào khác ngoài nghệ thuật sân khấu Dù kê, bởi ở đây Dù kê đã có tính kế thừa từ nền âm nhạc Khmer, đồng thời tiếp thu bài hát mang âm hưởng của các dân tộc anh em, chứa đựng một số bài mang một chút âm hưởng tiêu biểu như bài ca vọng cổ Cải lương người Kinh, hát Tuồng, Hí kịch của người Hoa và kể cả phương Tây (Pháp).

Bài hát có rất nhiều dạng như Nôkôryéché, Nôkôryéché Chôl Lôm, Nôkôryéché chone ph'ây, hát lên khi có nỗi buồn đau hay gặp phải chuyện bất hạnh cho số phận; hay bài Sompông, Sompông Phát-chây, Sôrydông dùng để diễn tả cảnh vật thiên nhiên. Kể cả một số bài hát của người Hoa và Pháp cũng được sử dụng cho loại hình sân khấu Dù kê.

Thực tế hiện nay cho thấy, bởi sự đa dạng, phong phú của bài hát Dù kê Basắc đã làm cho kịch tính của sân khấu Dù kê ngày càng phát huy, giúp cho nhân vật thể hiện hết vai trò của mình, bộc lộ rõ tính cách nhân vật cho từng hoàn cảnh cụ thể, có thể chuyển từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác trong cốt truyện, gây sức hấp dẫn và ấn tượng cho khán giả xem nghệ thuật. Điều đó đã chứng minh, bài hát Dù kê chiếm một vị trí quan trọng để tạo ra hình tượng cũng như cảm xúc mạnh mẽ cho sân khấu nghệ thuật.

<sup>4</sup> Trích từ tiểu sử quá trình hình thành và phát triển của Đoàn Nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh

<sup>5</sup> Trích từ tác giả Trương Rình ghi theo lời kể của bà Kim Thị Suông trong cuốn sách “Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ” xuất bản năm 1988, trang 305-306

### 1.2.2. *Dàn nhạc đóng vai trò cho hình thức và nội dung của lối diễn*

Nhạc Dù kê hay còn gọi là nhạc Basác, được đặt tên từ khi sân khấu Dù kê (Basác) ra đời. Trong dàn nhạc Dù kê Khmer, có một số loại nhạc cụ của người Hoa, bộ trống, gõ đánh đệm khi mở màn, đóng màn, khi bước ra hay khi bước vào của các vai diễn trong sân khấu Dù kê; cho từng động tác đầu kiếm, võ thuật, biến phép thần thông, cử chỉ, điệu bộ cho từng nhân vật khác nhau. Một điều nữa, dàn nhạc này không đánh đệm cho người hát, người múa mà chỉ dàn nhạc dây (hay còn gọi nhạc dân gian, nhạc Môhory) phụ trách đệm cho người hát, người múa mà thôi. Và đôi khi trống lớn cũng chỉ tham gia gõ nhịp nhẹ nhàng khi bài hát, múa kết thúc.

Nhạc Dù kê (Basác) rất gần gũi với cuộc sống của người nông dân lao động Khmer ở vùng đất giồng, sông nước Nam Bộ, khi được thể hiện trong ngôn ngữ sân khấu thì chiếm một lĩnh vực rất đặc biệt, bởi nó góp phần tăng thêm sự hấp dẫn, lôi cuốn khán giả xem nghệ thuật. Tất cả các thể loại nhạc đều không chỉ riêng để giải trí, thư giãn hay để góp phần cho cuộc sống hiện tại, mà chứa đựng những chất keo dính trong cuộc sống đời thường, mộc mạc nhưng tiềm ẩn một tinh thần lớn lao, có tính giáo dục con người cùng hướng về xã hội tương lai tốt đẹp. Vì vậy, các nhạc sĩ có những định hướng rõ ràng, phát huy tính hiện thực trong cái hiện thực của xã hội, và một phần là chất nhạc, là âm hưởng, nhưng một phần là tính nhân đạo trong sáng tác. Người nghệ sĩ, nhạc sĩ tài năng sẽ là người sáng tạo biết nắm bắt những yêu cầu, những tư tưởng tình cảm, những nguyện vọng ước mơ cho từng hoàn cảnh cụ thể để tạo ra nội dung có giá trị thiết thực thể hiện trên sân khấu.

### 1.2.3. *Múa trong sân khấu Dù kê góp phần thêm màu sắc thẩm mỹ*

Từ khi sân khấu Dù kê chính thức ra đời năm 1921, loại hình múa dành riêng cho nó chưa kịp hình thành, bởi sân khấu xuất phát từ dân gian do quần chúng nhân dân sáng tạo nên chỉ mới là những yếu tố vũ đạo lẻ tẻ, hành động nhân vật được cách điệu hóa, những vũ đạo hay cách điệu cũng phải vận dụng theo múa truyền thống của

người Khmer được phát triển theo bản năng và ngẫu hứng sáng tạo.

Nguồn tài liệu của tác giả Đặng Vũ Thị Thảo trong sách “*Sân khấu của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*” (trang 107) và tác giả Hoàng Túc trong sách “*Văn hóa người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*” của Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc – 1993 (trang 297) đều cho rằng: “... nghệ thuật Tuồng, Chèo của người Kinh có ngôn ngữ múa mà quá trình phát triển đã được định hình. Múa Tuồng, Chèo mang đặc trưng hình thức múa riêng, rất dễ dàng phân biệt. Nói đến Tuồng, Chèo chúng ta nghĩ tới động tác: Tấn, Trụ, Kỳ, Càn, Vuốt, Loan, Lật,... và múa Chèo: Guộn đuôi ngón tay, Vuốt, Quay,... Còn múa Dù kê, do chúng tôi chưa xác định rõ ràng, vì chúng tôi chưa đủ khả năng xác định chứ không phải múa Dù kê thiếu rõ ràng”.

Như vậy, để xác định múa trên sân khấu Dù kê, trước tiên chúng ta cần xác định về hoạt động hình thể cho từng nhân vật, từng vai diễn khác nhau, vai chính diện tiêu biểu cho phái thiện: tiều phu, cô thôn nữ, bà mẹ nhà quê,... là nhân dân lao động, do đó múa được lấy từ động tác múa dân gian; các vai diễn như hoàng tử, công chúa, hoàng hậu, nhà vua,... ở chốn hoàng cung thì lấy động tác múa cổ điển làm vũ đạo cổ điển để biểu hiện lên đặc điểm chung: mềm mại, tiết điệu dịu dàng. Đối với vai phản diện: Chằn, quỷ dữ, phù thủy, quan tướng ác độc,... cần biểu hiện trên nét mặt hung dữ, động tác của cơ thể rất mạnh, chân tay xoay chuyển động để tạo uy thế theo tính cách bản năng qua các vũ đạo “Huôn” chỉ sử dụng một số nhân vật có võ nghệ cao cường, Chằn tinh - “Huôn” vừa được tiếp thu từ sân khấu “Hí kịch” cùng tiếp xúc với “Huôn” của người Khmer tạo nên vũ đạo “Huôn” mang tính riêng biệt và đặc sắc.

Nghệ thuật múa trong sân khấu Dù kê đều lấy động tác múa cổ điển là chính, một số động tác múa dân gian để làm phụ họa cho nội dung của kịch bản. Nói chung, dù bất cứ dựng một tiết mục múa mới trong một hoàn cảnh cụ thể nào, có nội dung thể hiện trong tác phẩm nào đi chăng nữa cũng phải dựa trên múa cổ điển, cũng như người Kinh dựng múa mới bao giờ cũng sử dụng múa Balê Việt Nam là

chính, và một số múa trong hát tuồng thì mới có thể thể hiện hết đề tài nội dung của tác phẩm.

Điều nói trên cho thấy nghệ thuật múa Khmer không chiếm vị trí chủ đạo trong tác phẩm sân khấu Dù kê, mà nó chỉ có thể góp phần thêm màu sắc thẩm mỹ, tạo sự lộng lẫy cho sân khấu kịch bản và gây ấn tượng cho khán giả xem nghệ thuật.

## 2. Sân khấu Dù kê – góc nhìn từ văn hóa dân gian

Người Khmer tiếp nhận văn hóa Ấn Độ, phổ biến là tín ngưỡng tôn giáo (Phật giáo Nam tông) và chữ Sanscrit bắt đầu thế kỷ thứ III sau Công nguyên, sau nhiều lần cải cách cùng với tiếng nói bản địa, người Khmer đã cải biến thành chữ của dân tộc mình và khác với chữ Ấn Độ ngày nay. Khi có chữ viết, người Khmer đã ghi chép những sáng tác dân gian, những tư liệu ghi chép đến nay vẫn còn tồn tại trên bia đá, trên lá buông (gọi là satra), trên giấy xếp (gọi là korăng) hoặc tấm da thô. Những truyện kể dân gian được ghi chép ấy đã trở thành nguồn tài liệu dồi dào để khai thác dựng nên tác phẩm sân khấu Dù kê.

Trong văn hóa truyền thống Việt Nam, tính nguyên hợp là một đặc tính xuyên suốt các thành tố văn hóa căn bản, đặc biệt là các thành tố văn hóa dân gian. Theo GS. Ngô Đức Thịnh, văn hóa dân gian Việt Nam bao gồm bốn lĩnh vực sau: Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật dân gian; Tri thức dân gian; Tín ngưỡng, phong tục và lễ hội<sup>6</sup>.

Văn hóa dân gian của người Khmer đã được định hình rất sớm, trước khi văn hóa Ấn Độ du nhập vào, hầu như có đủ các thể loại: truyện đời xưa, thần thoại, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện nói về khai thiên lập địa, giải thích các hiện tượng tự nhiên. Truyện thần thoại được phân biệt các loại truyện như: truyện ma quỷ hoang đường, truyện ngụ ngôn thường nhân cách hóa thú vật nên còn được gọi là truyện muôn thú; truyện cười có truyện trào phúng và truyện khôi hài đã làm nên kho tàng văn học của người Khmer. Bên cạnh đó, nền văn học còn tiếp thu từ văn hóa Ấn Độ truyền sang như truyện tôn giáo Bà La môn, truyện các vị Bồ tát của Phật Thích ca và sử thi Ramayana.

<sup>6</sup> Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa dân gian và văn hóa dân tộc*, trong: <http://thienthubinh.wordpress.com>

Sân khấu Dù kê đã chuyển tải những nội dung, giá trị văn hóa dân gian rất đậm nét ở hai lĩnh vực: ngữ văn dân gian (thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, truyện cười, tục ngữ) và nghệ thuật dân gian (nghệ thuật tạo hình dân gian: kiến trúc dân gian, hội họa dân gian, trang trí dân gian; nghệ thuật biểu diễn dân gian: âm nhạc dân gian, múa dân gian, sân khấu dân gian, trò diễn). Cả hai lĩnh vực luôn có sự gắn kết, đan xen, hòa quyện lẫn nhau để từ đó các tác giả, nghệ nhân sáng tạo nên hình tượng nghệ thuật trên sân khấu, đáp ứng nguyện vọng trong sinh hoạt văn hóa và đời sống lao động của mọi tầng lớp người Khmer.

Qua kịch bản, lời diễn của các đơn vị đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên ở một số tỉnh thuộc Tây Nam Bộ, một số sách có các tác giả ghi chép về tuồng tích, lời diễn trong sân khấu Dù kê từ nội dung cốt truyện, tục ngữ, những bài hát, các loại nhạc cụ, phục trang, cảnh trí,... cho thấy người nông dân Khmer ở đất giồng, miền sông nước đã sáng tạo và khai thác nghệ thuật rất đậm nét, mang đậm đà bản sắc văn hóa trong dân gian. Vì vậy, có thể nói rằng sân khấu Dù kê là một loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp về ca, múa, nhạc thông qua kịch bản, tuồng tích mà người nghệ sĩ diễn đạt (biểu diễn) trên khán đài. Trên cơ sở đó, sân khấu Dù kê luôn truyền đạt ở hai góc độ trong văn hóa dân gian (ngữ văn dân gian và nghệ thuật dân gian), thể hiện những giá trị cơ bản trong một tác phẩm sân khấu, mang lại giá trị lịch sử, giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị thẩm mỹ.

### 2.1. Sân khấu Dù kê mang lại giá trị lịch sử

Nói đến lịch sử là nói đến nguồn gốc sản sinh theo từng giai đoạn, theo từng cơ tầng văn hóa, từ thấp đến cao, từ cái cũ đến cái mới, và đó là con đường tất yếu, nhưng thường không có một tài liệu trực tiếp, hình ảnh nào về những giai đoạn phát triển rất sớm, những hiện tượng đặc trưng của mỗi một tộc người, hay mối quan hệ nguồn gốc phát sinh của các truyện cổ tích, thần kì, các nghi lễ, tập tục, thực hành tín ngưỡng của xã hội sơ khai và xã hội phong kiến thời xa xưa. Nói lên điều này để thấy được nghệ thuật sân khấu Dù kê góp phần chuyển tải những biến cố lịch sử ấy. Hầu hết

tất cả các truyện đều mang tính lịch sử riêng của bản thân nó và có sự trùng lặp nhau giữa các dân tộc Đông Nam Á nói chung và các dân tộc ở Việt Nam, cũng như người Khmer Nam Bộ có sự giao lưu về văn hóa dân gian trong địa bàn cư trú tộc người rộng lớn, vì vậy có rất nhiều truyện kể tương đương gần giống nhau. Ví dụ: “Neaktà túc- Neaktà Phnum” là “Thần nước - Thần núi” hay “Son Tinh - Thủy Tinh”, “Truyện thuyết Thần NeakTa”, “Thạch Sanh Lý Thông” hay “Chao Sanh Chao Thông”... Tất cả những truyện đã được phản ánh từ cuộc sống con người xã hội cho đến giải thích các hiện tượng tự nhiên.

Sân khấu Dù kê mang lại giá trị lịch sử trong văn hóa dân gian cũng như đem lại nền giáo dục trở về cội nguồn, giúp hiểu được tâm tư tình cảm, ước mơ khát vọng của con người từ thuở xa xưa, luôn hướng tới cái văn minh hơn, một xã hội tốt đẹp hơn, sự sáng tạo của họ qua những sản phẩm mang giá trị lịch sử khiến cho đời sau phải khâm phục, tiếp nhận và bảo lưu.

## 2.2. Sân khấu Dù kê mang lại giá trị hiện thực

Chủ nghĩa hiện thực với tư cách như một trào lưu, một phương pháp, chỉ xuất hiện vào thế kỉ 19 ở các quốc gia Pháp, Ý, Anh, Nga, sau đó ảnh hưởng tới các nước khác. Nhưng so sánh với các nước phương Đông, trong đó có các nước Đông Nam Á, giá trị hiện thực tồn tại rất lâu đời trước khi chủ nghĩa này xuất hiện. Hầu như các tác phẩm đều tổng hợp hiện tượng thế giới quan để giải thích mọi sự vật, và mọi sự vật đều trở về với hiện thực, đều hướng về tầng lớp ngư dân nông nghiệp bằng bức tranh sống động, chân thật về một cuộc sống bình dị và đời thường.

Chỉ là hai chữ “sân khấu” nhưng chứa đựng cả một thế giới đầy sáng tạo nghệ thuật. Là một loại hình vừa tinh vi nhưng cũng vừa khái quát nhất, vừa giả tạo nhưng cũng là chân thật nhất, bởi vì sân khấu nghệ thuật cố gắng tạo nên một cuộc sống sinh động, toàn diện cho cuộc sống thực tại. Khi nói về sân khấu thì bản chất có thể là thực mà lại hư, hư mà như thực. Một nhà lý luận nghệ thuật giải thích rằng: “nghệ thuật sân khấu là cái ranh giới giữa cái giả và cái thực”. Nghĩa là cái hiện thực của tự nhiên ở ngoài đời để từ đó được sáng

tạo, hư cấu, tạo nên một tấm gương phản chiếu cuộc sống của chính mình, gây cảnh tượng nghệ thuật đầy hấp dẫn. Và cũng có nghĩa là sân khấu không nhất thiết phải diễn đạt ngoài đời một cách nguyên xi mà có phần chắt lọc những cái gì thuộc bản chất xã hội hoặc để khái quát cho tính cách nhân vật.

Những giá trị của vở diễn sân khấu Dù kê của dân tộc Khmer cũng không khác gì so với tác phẩm nghệ thuật sân khấu như Cải lương, hát Tuồng, thể loại Kịch phương Tây. Những giá trị văn hóa nghệ thuật Khmer đã giúp cho sân khấu Dù kê tô vẽ lên những nét tiêu biểu, cốt lõi và tinh khiết, nó đều hướng về sự sống hiện tại của con người, sự thỏa mãn nhu cầu cái đẹp, cái cao cả, rất nhiều tác phẩm bi kịch nghiệt ngã, tiêu biểu qua truyện Tum Tiêu, nàng Mađacha,... mang giá trị hiện thực của một xã hội phong kiến khắt khe. Giá trị tác phẩm sân khấu Dù kê được dựa trên nền văn học dân gian, những truyện kể, truyện đời xưa, truyện muôn thú, truyện khôi hài,... các nhân vật được nhân cách hóa, có phép thuật, loài vật biết nói, biết ứng xử, nhân vật khôi hài có châm biếm, bao giờ cũng chứa đựng hiện thực nhân sinh quan, mang ý nghĩa hiện thực xã hội của cuộc sống con người trên mặt đất chứ không phải trên thiên đàng.

## 2.3. Sân khấu Dù kê mang lại giá trị nhân đạo

Các thể loại truyện dân gian ra đời trong bối cảnh xã hội bất công, người nông dân sống làm than cơ cực, mất quyền tự do, dân chủ, cái đói, cái nghèo kéo dài dai dẳng. Nội dung của cốt truyện đã đáp ứng điều đó, biết nâng đỡ giá trị con người, phê phán những hiện thực xấu xa và bênh vực cho những nỗi khổ đau, đề cao những ước mơ, khát vọng của con người. Và sân khấu Dù kê đã lột tả hình ảnh sống động, giáo dục cho con người xã hội ngày nay phải trân trọng đạo lý, lòng nhân ái và nguyên tắc ứng xử giữa con người và con người, con người và môi trường xã hội xung quanh.

Giá trị nhân đạo của truyện dân gian đặc biệt được thể hiện ở những kết thúc có sự nhân hậu, khoan dung như: truyện Trần Minh khổ chuỗi “Chao Sro-Tốp-Chêch”, Tấm Cám túc “Mô-Rô-Ná MiếtĐa”, truyện Người con gái Nam Xương - “Sro-môl on-tôl chách hay còn gọi cái bóng oan

ting”, Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga - “Sát-Thy-Vong”,... Cũng xuất phát từ lòng nhân đạo sâu sắc ấy mà nhân dân đã để cho cô Tấm thảo hiền, xinh đẹp qua nhiều biến hoá thăng trầm, cuối cùng trở về làm hoàng hậu, sống cuộc đời hạnh phúc bên nhà vua; Trần Minh thoát khỏi cái nghèo khổ và cũng tận hưởng hạnh phúc; Truyện Người con gái Nam Xương vừa có giá trị tố cáo hiện thực của xã hội phong kiến và mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, càng thấy rõ giá trị cuộc sống của người phụ nữ trong một xã hội tốt đẹp hơn, vươn lên làm chủ cuộc đời được hạnh phúc và bình đẳng; Lục Vân Tiên thể hiện tính cách của người Nam Bộ, tính anh hùng nghĩa hiệp, giúp người hoạn nạn;... Những kết thúc của truyện cổ tích, truyện dân gian đều “gỡ nút” bằng triết lí nhân dân: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”.

#### 2.4. Sân khấu Dù kê mang lại giá trị thẩm mỹ

Sự đóng góp cho loại hình nghệ thuật sân khấu là sự thành công của một tác phẩm, kịch bản đến vai trò của người đạo diễn dựng tính kịch, mỹ thuật, hóa trang, sáng tác âm nhạc,..., tất cả cho diễn viên được tôn lên trở thành nhân vật trọng tâm của sân khấu. Nhưng giá trị thẩm mỹ được hội tụ trên sân khấu không chỉ dừng lại ở mỹ thuật, hóa trang, phục trang, ánh sáng,... mà còn bộc lộ các giá trị khác như chân, thiện,... nó mang tính phổ quát trong một tác phẩm, giá trị của tác phẩm cũng chính là giá trị thẩm mỹ và chỉ khi đạt giá trị thẩm mỹ mới trở thành hình tượng nghệ thuật, khi đạt đến hình tượng nghệ thuật thì đó mới chính là chất lượng của một tác phẩm nghệ thuật sân khấu.

Giá trị thẩm mỹ được bộc lộ ở nhân vật của từng nội dung truyện, có thể tìm thấy được về giá trị đạo đức, giá trị nhận thức, tư tưởng, giáo lý của các vị thần NeakTa, của Đức Phật Thích Ca, đạo sĩ Ấyxây tu hành khổ luyện, hay một nhân vật thông minh nào đó, để thể hiện nhất quán quan điểm trong việc giáo dục con người. Mặc dù rơi vào phép thuật hay thần thánh bí ẩn nhưng người xưa vẫn biết sử dụng hư cấu để điều chỉnh hành vi con người, điều chỉnh mối quan hệ xã hội, loại trừ cái phi đạo đức, đẩy lùi cái hiện tượng xấu xa, không thể có cái phi chân, thiện, mỹ.

Giai đoạn kháng chiến chống Mỹ đã xuất hiện văn học viết, những kịch bản mới với những đề tài hiện đại, đánh dấu sự biến đổi văn học Khmer. Tác phẩm ra đời: “Nghĩa tình trong giông tố” của tác giả Thạch Voi; “Giữ đền Vêhia” của tác giả Thạch Chân đã thúc đẩy cho lực lượng đông đảo nghệ sĩ kiêu mới của cách mạng Việt Nam, có kiến thức khoa học về sân khấu tiên tiến, luôn hướng về công cuộc đấu tranh cho Tổ quốc quê hương, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa cao đẹp. Vừa mới chấm dứt tiếng súng chống Mỹ thì chiến tranh bảo vệ tổ quốc chống chế độ diệt chủng Pôl-Pôt Iêng Sary, tình hình mới đặt ra trước nghệ thuật sân khấu những yêu cầu mới, kịch bản “Mối tình BôPha RạngXây” của tác giả Thạch Chân đã ra đời và đáp ứng nhu cầu thưởng thức của nhân dân trong nước và nước bạn Campuchia, có tác dụng cực kỳ to lớn trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ của người Khmer, đã trở thành công cụ cho cuộc vận động cách mạng và tình đoàn kết dân tộc, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ - văn học dưới ánh sáng của thế giới quan vô sản.

### 3. Giải pháp giữ gìn và phát huy sân khấu Dù kê

3.1. Xây dựng quy hoạch đào tạo nguồn lực cho nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer, từng bước hoàn chỉnh hệ thống các giáo trình, sách tham khảo cho ngành học nghệ thuật sân khấu Dù kê dân tộc Khmer để nâng cao chất lượng sân khấu Dù kê có hiệu quả.

+ *Xây dựng quy hoạch đào tạo nguồn lực cho nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer*

Đây là một nhiệm vụ mang tính chiến lược, nó quyết định cho sự tồn tại của loại hình nghệ thuật sân khấu. Được xem là một việc làm cấp thiết đối với đơn vị nghệ thuật sân khấu dân tộc Khmer trong tình hình hiện nay. Hồ Chí Minh quan niệm: “Vi lợi ích mười năm thì phải trồng cây, Vi lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Vì vậy, đào tạo nguồn lực chính là yếu tố con người có tài năng, có khả năng tham gia vào lĩnh vực nghệ thuật dân tộc và các mặt hoạt động xã hội.

Các đơn vị sự nghiệp nghệ thuật được nhận chỉ tiêu đào tạo tại các Trường Đại học văn hóa, Cao đẳng hay Trung cấp, có chính sách đào tạo lại

cán bộ quản lý nghệ thuật, đạo diễn, âm nhạc, biên đạo múa để có điều kiện trẻ hóa đội ngũ, khắc phục tình trạng dôi thừa trong đơn vị nghệ thuật.

+ *Xây dựng hoàn chỉnh về giáo trình, sách tham khảo cho ngành học Nghệ thuật Sân khấu Dù kê của dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh.*

Đây là giải pháp đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể địa phương mà Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan trực tiếp thực hiện hướng dẫn để tiến hành khảo sát sơ bộ cho loại hình sân khấu Dù kê, cụ thể hơn là xây dựng dự án cho từng bộ môn (cả lý thuyết lẫn thực hành) về các loại nhạc cụ Dù kê Basác, những bài hát Dù kê Basác, múa sử dụng cho loại hình sân khấu, hoạt động hình thể, vũ đạo hay phong cách biểu diễn cho từng nhân vật. Đây là hình thức trải nghiệm cho công tác đào tạo và vừa là mục đích truyền đạt cho thế hệ trẻ am hiểu và gần gũi với sân khấu Dù kê.

**3.2.** Văn hóa truyền thống có sự biến đổi là một quá trình tất yếu khách quan, bởi xã hội đô thị

trong điều kiện công nghiệp hóa tiến lên công nghiệp hiện đại, là yếu tố duy nhất làm động lực cho kinh tế đô thị phát triển. Sự chuyển biến từ một xã hội nông nghiệp truyền thống sang xã hội đô thị công nghiệp làm cho nét đẹp văn hóa truyền thống bị mờ nhạt và ngày càng bị mai một, phá vỡ tính cộng đồng xóm giềng, sự thông cảm chia sẻ trong mối quan hệ giữa cá nhân và cá nhân, cộng đồng bị hạn chế. Chính vì điều này, Đảng và Nhà nước cần quan tâm và trao quyền tự chủ rộng rãi, tăng ngân sách hoạt động cho các chính quyền địa phương, cá nhân, tập thể hay nhân dân trong công tác quản lý để xây dựng các phong trào văn hóa văn nghệ nhằm tạo ra một cơ chế riêng đặc thù cho từng loại hình nghệ thuật, giúp thế hệ sau tiếp nhận nghệ thuật cũng chính là nền giáo dục trong văn hóa dân gian mà người xưa cố gắng tích lũy, lưu truyền lại; đồng thời, khuyến khích hỗ trợ và mở các lớp tập huấn, khảo sát thực tế cho các nghệ nhân, nghệ sĩ, các tác giả nhằm phát huy sáng tạo những tác phẩm có giá trị văn hóa.

### Tài liệu tham khảo

Báo cáo kỷ niệm 40 năm thành lập Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh ngày 14/4/1963 – 14/4/2003 (năm 2003).

Ngô Đức Thịnh. *Văn hóa dân gian và văn hóa dân tộc*. Xem <<http://thienthubinh.wordpress.com>>

Nhiều tác giả. 1998. *Về sân khấu truyền thống Khmer Nam Bộ*. Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Tp.HCM.

Pich Tum Kravel. 1997. *Di kê và sân khấu Basác*. Trường Đại học nghệ thuật Hoàng gia xuất bản Viện Văn hóa. 1987. *Người Khmer Cửu Long*. Sở Văn hóa-Thông tin xuất bản.

Viện Văn hóa. 1993. *Văn hóa người Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.